



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN
CỬU LONG AN GIANG**

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2012	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	14 - 41
8. Phụ lục	42 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang tiền thân là Công ty TNHH xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000065 ngày 17 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 13 tháng 11 năm 2007 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24 tháng 06 năm 2010 và được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới số 1600680398 ngày 24 tháng 06 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 11 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 3 năm 2012 về việc sáp nhập Công ty cổ phần chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang vào Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang và tăng vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 21 tháng 4 năm 2012 về việc điều chỉnh vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 5 : 183.996.750.000 VND

Số lượng cổ phần : 18.399.675 CP

Mệnh giá : 10.000 VND/CP

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Trần Văn Nhân	1.052.437	10.524.370.000	5,72
Trần Thị Vân Loan	3.007.009	30.070.090.000	16,34
Trần Tuấn Khanh	1.079.436	10.794.360.000	5,87
Cổ đông khác	13.260.793	132.607.930.000	72,07
Cộng	18.399.675	183.996.750.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Điện thoại : (076) 3.931.000 – 3.932.821

Fax : (076) 3.932.446

E-mail : clfish@vnn.vn

Website : www.clfish.com

Mã số thuế : 1600680398



Hoạt động chính của Công ty là:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản;
- Mua bán cá và thủy sản;
- Mua bán thực phẩm (đậu nành, đậu bắp, rau quả,... đông lạnh);
- Mua bán nông sản (nếp, gạo, hạt điều,...);
- Mua bán hóa chất, dụng cụ dùng trong sản xuất và chế biến thủy sản;
- Mua bán các loại nguyên liệu, vật tư trong ngành bao bì;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư phục vụ chăn nuôi thủy sản (cám bã đậu nành, bột cá, bột xương thịt, vitamin);

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến thức ăn thủy sản;
- Chế biến thức ăn gia súc;
- Sản xuất bao bì;
- Cho thuê kho lạnh;
- Đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch, khách sạn, cao ốc văn phòng;
- Hoạt động đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp (tuân thủ pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động);
- Đầu tư thực hiện việc sáp nhập và mua lại doanh nghiệp (tuân thủ pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động).

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Theo Biên bản số 03/BB-HĐQT/CLAG/2012 ngày 12 tháng 3 năm 2012 của Hội đồng quản trị, thông qua việc chuyển đổi Công ty con là Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang sang Công ty cổ phần chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang. Theo đó, Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang đã được chuyển đổi sang Công ty cổ phần chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600928592 ngày 20 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 29 tháng 12 năm 2011 và Biên bản số 04/BBH.2012 ngày 23 tháng 3 năm 2012 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thông qua việc sáp nhập Công ty cổ phần chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang vào Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 3 năm 2012.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 44).

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 17 tháng 4 năm 2012, lợi nhuận sau thuế năm 2011 được phân phối như sau:

- Trích lập các quỹ (Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi)	12%
- Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	2%
- Thủ lao Ban kiểm soát và nhân viên chủ chốt	1%
- Chi cổ tức (tính trên vốn điều lệ)	45%

Trong năm 2011, Công ty đã tạm trích lập các Quỹ và tạm ứng cổ tức 25%. Trong 6 tháng đầu năm 2012, Công ty đã chi cổ tức đợt 2 cho các cổ đông như sau:

	Số tiền (VND)
Chi cổ tức đợt 2 năm trước (20% vốn điều lệ)	<u>36.799.350.000</u>
Cộng	<u>36.799.350.000</u>

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

0204
CÔNG
ÁCH NHI
KIỂM
TƯ

TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Trần Thị Vân Loan	Chủ tịch	07 tháng 6 năm 2010	-
Trần Văn Nhân	Thành viên	07 tháng 6 năm 2010	-
Trần Tuấn Khanh	Thành viên	09 tháng 4 năm 2007	-
Trần Minh Nhựt	Thành viên	31 tháng 3 năm 2008	-
Trần Tuấn Nam	Thành viên	31 tháng 3 năm 2008	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Huỳnh Lân	Trưởng ban	19 tháng 4 năm 2011	17 tháng 4 năm 2012
Nguyễn Thị Lê Quyên	Trưởng ban	17 tháng 4 năm 2012	-
Nguyễn Văn Tới	Thành viên	09 tháng 4 năm 2007	-
Phạm Thị Hồng Ngọc	Thành viên	31 tháng 3 năm 2008	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Trần Thị Vân Loan	Tổng Giám đốc	13 tháng 11 năm 2007	-
Trần Tuấn Khanh	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 10 năm 2007	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

1448
G TY
HỮU
KIỂM
VĂN
HÓA

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2012





Số: 0686/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU
CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 14 tháng 7 năm 2012, từ trang 07 đến trang 44 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính giữa niên độ; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính giữa niên độ. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính giữa niên độ đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: D.0089/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2012

Nguyễn Hữu Danh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1242/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		525.647.010.089	582.384.169.652
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.065.313.670	31.508.039.371
1. Tiền	111		13.065.313.670	20.908.039.371
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.600.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		227.652.606.432	284.179.038.759
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	227.619.649.019	289.302.447.287
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	7.190.808.730	2.770.626.100
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	820.642.378	852.995.017
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(7.978.493.695)	(8.747.029.645)
IV. Hàng tồn kho	140		272.953.740.819	259.248.485.864
1. Hàng tồn kho	141	V.6	272.953.740.819	259.248.485.864
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.975.349.168	7.448.605.658
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	426.854.659	573.194.175
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.672.917.151	6.626.846.579
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	875.577.358	248.564.904

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		204.029.092.432	221.683.863.843
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		196.202.099.040	184.840.926.244
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	117.429.081.241	123.798.027.059
<i>Nguyên giá</i>	222		168.777.490.949	167.902.348.607
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(51.348.409.708)	(44.104.321.548)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	53.269.195.162	54.366.182.122
<i>Nguyên giá</i>	228		57.790.795.381	57.790.795.381
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.521.600.219)	(3.424.613.259)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	25.503.822.637	6.676.717.063
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.600.000.000	31.447.261.392
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	-	31.908.477.198
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	3.600.000.000	3.600.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.14	-	(4.061.215.806)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.226.993.392	5.395.676.207
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	2.241.445.848	3.470.408.113
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.16	715.039.544	654.760.094
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	1.270.508.000	1.270.508.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		729.676.102.521	804.068.033.495

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kê toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		452.792.810.906	505.973.112.086
I. Nợ ngắn hạn	310		446.005.985.743	498.766.447.662
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	341.176.727.417	403.252.891.945
2. Phải trả người bán	312	V.19	73.648.816.992	60.262.560.024
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	3.081.023.553	3.594.921.340
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	2.247.282.034	256.324.252
5. Phải trả người lao động	315	V.22	4.799.919.578	10.434.960.912
6. Chi phí phải trả	316	V.23	7.150.395.436	6.547.600.938
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	1.187.315.774	792.837.755
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	12.714.504.959	13.624.350.496
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.786.825.163	7.206.664.424
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.26	6.466.080.146	6.466.080.146
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.27	29.145.804	434.098.515
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.28	291.599.213	306.485.763
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		276.883.291.615	298.094.921.409
I. Vốn chủ sở hữu	410		276.883.291.615	298.094.921.409
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.29	183.996.750.000	183.996.750.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.29	19.920.224.200	19.920.224.200
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.29	2.275.469.500	2.275.469.500
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.29	16.696.873.507	16.696.873.507
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.29	53.993.974.408	75.205.604.202
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		729.676.102.521	804.068.033.495

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại:				
Dollar Mỹ (USD)			322.343,65	781.502,34
Euro (EUR)			321,50	320,43
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

An Giang, ngày 14 tháng 7 năm 2012



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	535.801.261.743	626.051.137.155
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	910.048.096	1.109.241.226
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	534.891.213.647	624.941.895.929
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	464.463.156.613	492.454.535.682
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		70.428.057.034	132.487.360.247
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.850.486.921	35.804.712.036
7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	22	VI.4	16.905.124.254	31.376.703.693
	23		16.869.728.280	30.354.236.694
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	29.431.473.436	33.657.832.076
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	12.322.013.197	22.433.957.470
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.619.933.068	80.823.579.044
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.707.262	6.928.364
12. Chi phí khác	32	VI.8	396.147.823	892.405.728
13. Lợi nhuận khác	40		(392.440.561)	(885.477.364)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.227.492.507	79.938.101.680
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	2.105.004.462	8.482.455.721
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(465.232.161)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>15.587.720.206</u>	<u>71.455.645.959</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>847</u>	<u>6.496</u>

An Giang, ngày 14 tháng 7 năm 2012



Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng

Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LUU CHUYEN TIEN TE GIUA NIEN DO

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	17.227.492.507	79.938.101.680
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02 V.9, V.10	8.108.086.586	8.141.508.568
- Các khoản dự phòng	03 V.5, V.14	(768.535.950)	5.902.660.547
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04 VI.3	(291.458.040)	(3.427.752.818)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.478.635.114)	(459.920.678)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	16.869.728.280	30.354.236.694
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>			
<i>trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	39.666.678.269	120.448.833.993
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	54.137.792.548	1.650.098.016
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10 V.6	(13.705.254.955)	(8.729.851.500)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	7.683.111.670	(18.958.856.589)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.375.301.781	866.529.330
- Tiền lãi vay đã trả	13	(16.371.974.187)	(30.798.286.786)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14 V.21	(75.208.629)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(909.845.537)	(4.954.858.800)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	71.800.600.960	59.523.607.664
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.875.551.688)	(14.755.352.140)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	32.868.623	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.493.412.892	69.630.555
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(2.349.270.173)	(14.685.721.585)

AIO
 C
 TRÁCH
 KIẾ
 T
 VN

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18 757.207.401.705	750.021.923.534
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18 (808.301.838.085)	(784.203.668.653)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.29 (36.799.350.000)	(11.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(87.893.786.380)</i>	<i>(45.181.745.119)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>	<i>(18.442.455.593)</i>	<i>(343.859.040)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1 31.508.039.371</i>	<i>42.193.145.636</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(270.108)	18.862.434
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>	<i>V.1 13.065.313.670</i>	<i>41.868.149.030</i>



Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 14 tháng 7 năm 2012

Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

0474
ĐƠN VỊ
NHIỆM H
M TÓA
Ư VĂ
P HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản. Mua bán cá và thủy sản.

4. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 Công ty có 1.884 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 2.551 nhân viên).

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo Biên bản số 03/BB-HĐQT/CLAG/2012 ngày 12 tháng 3 năm 2012 của Hội đồng quản trị, thông qua việc chuyển đổi Công ty con là Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang sang Công ty cổ phần chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang. Theo đó, Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang đã được chuyển đổi sang Công ty cổ phần chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600928592 ngày 20 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 29 tháng 12 năm 2011 và Biên bản số 04/BBH.2012 ngày 23 tháng 3 năm 2012 của Hội đồng quản trị, thông qua việc sáp nhập Công ty cổ phần chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang vào Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 3 năm 2012.



II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tồn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đèn bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng. Đối với quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không tính khấu hao.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

S.Đ.K.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

11. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

12. Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	2%
Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	5%
Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	5%
Khen thưởng các thành viên quản lý chủ chốt trong Công ty	3%

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

51020
CÔN
RÁCH NHI
KIỂM 1
TƯ

7 TP. I

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá quy đổi : Ngày 31/12/2011: 20.828 VND/USD
Ngày 30/06/2012 : 20.828 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

7448-C.
CÔNG TY
TỔNG HỮU HÃ
DOANH VÀ
VĂN
HÓA
Ô CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi nhuận;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính này được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN B�� SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	912.562.890	1.423.458.708
Tiền gửi ngân hàng	12.152.750.780	19.484.580.663
Khoản tương đương tiền	-	10.600.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	-	10.600.000.000
Cộng	13.065.313.670	31.508.039.371

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Qwat Albaehr For Trading	93.551.752.952	117.719.588.985
Red Chamber Co.	22.800.567.810	-
Saudi Pan Gulf Trading Co., LTD	5.139.309.000	28.027.198.200
Mohammed S.H. Shama Comercial EST	14.595.221.000	22.145.371.000
Meridian Products	4.413.677.101	21.623.179.715
Censea INC	12.278.963.489	17.617.988.640
Seaquest Seafood Corporation	10.648.464.962	6.524.532.417
Greenport Foods LLC	6.736.462.524	5.937.969.074
Grupo Almos S.A.DEC.V	-	5.462.143.000
Montkaura, S.L	4.419.722.428	4.419.722.428
Pasapesca S.A	5.132.236.853	4.098.126.653
Alliance Seafood Group	4.095.314.664	4.095.314.664
Maria Fish Market Company	1.385.062.000	4.030.218.000
Arabian Fisheries	2.299.411.200	3.611.508.550
B.O.R.Market S.A	1.079.723.520	3.549.091.200
Marine Harvest USA	-	3.126.949.296
Maria Group Co (Off Shore)	1.372.565.200	3.078.690.820
Pomona	-	2.979.237.120
Kimbex S.R.O	-	2.474.033.152
M.AL Nuaimi Foodstuff Trading L.L.C	2.968.885.604	2.393.512.104
Piau Kee Live & Frozen Seafood SDN	2.309.408.640	2.309.408.640
Maria Foods Co S.A.R.L	2.028.647.200	2.203.185.840
Các khách hàng khác	30.364.252.872	21.875.477.789
Cộng	227.619.649.019	289.302.447.287

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên Tân Sanh	1.186.666.900	986.666.900
Công ty TNHH Cơ Khí Xây Dựng thương mại Tân Hoàng Tuấn	2.508.000.000	-
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Mạc Tích	750.000.000	-
Công ty TNHH tư vấn dịch vụ chế biến xuất khẩu Thủ Thùy Sản	134.000.000	195.000.000
Trịnh Thị Hương	931.350.700	931.350.700
Nguyễn Văn Hoa	160.000.000	299.000.000
Phan Văn Rót	178.000.000	100.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.342.791.130	258.608.500
Cộng	7.190.808.730	2.770.626.100

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi tiền gửi ngân hàng	-	14.777.778
Lãi ứng trước tiền cá nguyên liệu	619.430.200	619.430.200
Phải thu khác	201.212.178	218.787.039
Cộng	820.642.378	852.995.017

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	7.978.493.695	8.747.029.645
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm</i>	-	-
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	244.624.860	244.624.860
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	7.733.868.835	8.502.404.785
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên</i>	-	-
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	7.978.493.695	8.747.029.645

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	8.747.029.645
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	(768.535.950)
Số cuối kỳ	7.978.493.695

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	3.603.741.965	5.653.504.432
Công cụ, dụng cụ	6.116.145.769	6.672.656.666
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	93.800.082.926	87.066.770.980
Thành phẩm	160.783.323.433	149.167.753.474
Hàng gửi đi bán	8.650.446.726	10.687.800.312
Cộng	272.953.740.819	259.248.485.864

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	426.854.659	573.194.175
Cộng	426.854.659	573.194.175

8. Tài sản ngắn hạn khác

Các khoản tạm ứng cho nhân viên.

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	63.764.130.179	100.837.341.344	1.966.558.176	1.334.318.908	167.902.348.607
Tăng trong kỳ	-	147.775.000	635.423.250	91.944.092	875.142.342
<i>Mua sắm mới</i>	-	<i>147.775.000</i>	-	<i>91.944.092</i>	<i>239.719.092</i>
<i>Nhận sáp nhập từ Công ty con</i>	-	-	635.423.250	-	635.423.250
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	63.764.130.179	100.985.116.344	2.601.981.426	1.426.263.000	168.777.490.949
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	1.882.613.372	-	147.195.909	2.029.809.281
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.606.798.794	31.668.605.023	989.941.480	838.976.251	44.104.321.548
Tăng trong kỳ	1.999.466.916	4.801.317.985	351.030.944	92.272.315	7.244.088.160
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>1.999.466.916</i>	<i>4.801.317.985</i>	<i>118.042.410</i>	<i>92.272.315</i>	<i>7.011.099.626</i>
<i>Nhận sáp nhập từ Công ty con</i>	-	-	232.988.534	-	232.988.534
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	12.606.265.710	36.469.923.008	1.340.972.424	931.248.566	51.348.409.708
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	53.157.331.385	69.168.736.321	976.616.696	495.342.657	123.798.027.059
Số cuối kỳ	51.157.864.469	64.515.193.336	1.261.009.002	495.014.434	117.429.081.241

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay lần lượt như sau:

Ngân hàng cho vay	Tài sản thế chấp	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang	68.335.745.292	45.132.816.963
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang	11.666.212.092	4.416.517.351
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam	60.894.450.775	47.388.973.887
Cộng	140.896.408.159	96.938.308.201

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Nguyên giá	
Số đầu năm	57.790.795.381
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	-
Số cuối kỳ	57.790.795.381

Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	3.424.613.259
Tăng trong kỳ	1.096.986.960
Giảm trong kỳ	-
Số cuối kỳ	4.521.600.219

Giá trị còn lại	
Số đầu năm	54.366.182.122
Số cuối kỳ	53.269.195.162

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay lần lượt như sau:

Ngân hàng cho vay	Tài sản thế chấp	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang	2.649.841.350	2.649.841.350
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam	11.356.023.331	11.356.023.331
Cộng	14.005.864.681	14.005.864.681

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Nhận sáp nhập từ Công ty con	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	-	-	-	-	-
XDCB dở dang	6.676.717.063	15.191.272.978	3.635.832.596	-	25.503.822.637
- Nhà máy chế biến thức ăn	-	15.191.272.978	-	-	15.191.272.978
- Chi phí di dời 28 hộ dân dọc Sông Hậu	4.350.430.623	-	-	-	4.350.430.623
- Các hạng mục khác	2.326.286.440	-	3.635.832.596	-	5.962.119.036
Sửa chữa lợn TSCĐ	-	-	-	-	-
Cộng	6.676.717.063	15.191.272.978	3.635.832.596	-	25.503.822.637

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang	-	31.908.477.198
Cộng	-	31.908.477.198

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang. Công ty này hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600928592 ngày 23 tháng 04 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp với vốn điều lệ là 32 tỷ VND. Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang đã đầu tư 31.908.477.198 VND tương đương 99,71% vốn điều lệ (theo Giấy phép là 100%).

Ngày 30 tháng 3 năm 2012, Công ty đã nhận sáp nhập Công ty con vào Công ty theo Biên bản số 04/BBH.2012 ngày 23 tháng 3 năm 2012 của Hội đồng quản trị và Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 4 ngày 30 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Tô Châu (*)	300.000	3.600.000.000	300.000	3.600.000.000
Cộng	300.000	3.600.000.000	300.000	3.600.000.000

(*) Khoản đầu tư cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Tô Châu theo hợp đồng mua cổ phiếu số 1/2008/CLAG ngày 02/02/2008 với số lượng 1.000.000 cổ phiếu tương đương 10% vốn điều lệ, mệnh giá: 10.000đ/cổ phiếu. Theo Công văn số 83/CLAG/08 ngày 27 tháng 05 năm 2008 về việc ngưng góp vốn thêm thì Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản Cửu Long An Giang chỉ mua 300.000 cổ phiếu, với giá mua 12.000 đ/cổ phiếu.

14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	4.061.215.806
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	(4.061.215.806)
Số cuối kỳ	-

Hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con (Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang) do Công ty con sáp nhập vào Công ty Mẹ (Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang).

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí sửa chữa	418.434.052	-	(281.148.360)	137.285.692
Công cụ dụng cụ	498.365.477	-	(141.411.193)	356.954.284
Phí thuê Luật sư vụ kiện chống bán phá giá vào Mỹ	2.553.608.584	-	(806.402.712)	1.747.205.872
Cộng	3.470.408.113	-	(1.228.962.265)	2.241.445.848

Theo kết quả từ phía Công ty Mayer Brown LLP, thì Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang đã thắng trong vụ kiện chống bán phá giá cá tra vào thị trường Mỹ và chính thức được xuất khẩu vào thị trường Mỹ với thuế suất 0%. Thời gian sử dụng ưu đãi thuế suất được duy trì đến năm 2013. Công ty đã phân bổ khoản chi phí thuê luật sư là 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ.

Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	654.760.094
Phát sinh trong kỳ	60.279.450
Số hoàn nhập	-
Số cuối kỳ	715.039.544

17. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.270.508.000	1.270.508.000
Cộng	1.270.508.000	1.270.508.000

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	334.853.715.273	379.727.859.657
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(a)	1.262.686.973	90.702.772.690
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(b)	144.964.029.783	96.197.053.368
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam ^(c)	77.115.670.000	63.983.172.400
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Đồng Tháp ^(d)	5.910.627.117	20.692.618.000
Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam ^(e)	73.106.280.000	58.210.547.425
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(f)	32.494.421.400	49.941.695.774
Vay Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang (không phải trả lãi)	-	10.690.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	6.323.012.144	12.835.032.288
Cộng	341.176.727.417	403.252.891.945

(a) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, để bù sung chi phí nuôi trồng, sản xuất và kinh doanh chế biến thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là máy móc thiết bị và quyền sở hữu công trình.

(b) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất thỏa thuận theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, để bù sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và hàng tồn kho.

(c) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam với lãi suất tại thời điểm nhận nợ, để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và chi tiêu Công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu và máy móc thiết bị.

(d) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Đồng Tháp để bù sung vốn lưu động chế biến, kinh doanh thủy sản xuất khẩu. Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp khoản phải thu và hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (e) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam với lãi suất theo từng lần nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu với giá trị ròng trên sổ sách ít nhất bằng 3.000.000 USD, hàng tồn kho với giá trị tối thiểu là 1.500.000 USD và quyền sử dụng đất.
- (f) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang với lãi suất theo từng lần nhận nợ, để thu mua, nhập khẩu nguyên vật liệu và các chi phí khác phục vụ phương án kinh doanh hàng thủy sản xuất khẩu. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay tổ chức khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	379.727.859.657	10.690.000.000	12.835.032.288	403.252.891.945
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	757.207.401.705	-	-	757.207.401.705
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(801.789.817.941)	-	(6.512.020.144)	(808.301.838.085)
Số tiền vay giảm do nhận sáp nhập từ công ty con	-	(10.690.000.000)	-	(10.690.000.000)
Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	(291.728.148)	-	-	(291.728.148)
Số cuối kỳ	334.853.715.273	-	6.323.012.144	341.176.727.417

19. Phải trả cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp cá nguyên liệu	43.430.140.750	35.388.036.900
Công ty cổ phần thủy sản Việt Thắng	706.293	14.529.404.719
Công ty TNHH sản xuất bao bì thương mại Nguyên Phước	2.107.465.800	1.310.876.765
Công ty TNHH hóa chất Thành Phương	1.313.798.750	824.450.000
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long	19.314.208.135	3.340.832.670
Công ty công nghiệp Tân Á	1.419.622.600	968.273.350
Công ty cổ phần bao bì Thủy Sản	1.099.236.446	730.805.240
Các nhà cung cấp khác	4.963.638.218	3.169.880.380
Cộng	73.648.816.992	60.262.560.024

20. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Võ Văn Hải	1.000.000.000	-
Mai Thị Bảo Châu	-	858.579.920
Công ty TNHH sản xuất thương mại Nguyệt Trang	1.686.493.537	811.015.680
Alfakher Company For Food Industries	-	1.216.038.614
Dallah Int'l Catering & Trading	-	260.350.000
Tropic Trade	-	183.203.088
Taitung Australia Pty Ltd	103.556.816	103.556.816
Malak Al Dhoha General Trading LLC	203.776.778	-
Các khách hàng khác	87.196.422	162.177.222
Cộng	3.081.023.553	3.594.921.340

10204
CÔNG
ÁCH NHIỆ
KIỂM T
TU'

TP.H

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	195.467.695	2.105.004.462	(75.208.629)	2.225.263.528
Thuế thu nhập cá nhân	56.720.877	151.201.064	(190.066.355)	17.855.586
Thuế tài nguyên	4.135.680	23.372.400	(23.345.160)	4.162.920
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	256.324.252	2.282.577.926	(291.620.144)	2.247.282.034

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu 0%, hàng tiêu thụ trong nước 5%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập khác là 25%.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 05 năm tiếp theo cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính.

Năm 2009 Công ty đã đưa vào hoạt động nhà máy chế biến thủy sản mới do đầu tư mở rộng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 05 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2012 là năm thứ 02 dự án đầu tư mở rộng được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo Nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc Hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân, thì Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 do Công ty có sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực thủy sản.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.227.492.507	79.938.101.680
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.937.442.181	892.405.728
- Các khoản điều chỉnh giảm	(6.839.058.978)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	19.325.875.710	80.830.507.408
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi	20%	20%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp không ưu đãi	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	3.970.137.415	16.168.343.897
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(1.865.132.953)	(4.629.158.573)
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	-	(3.056.729.603)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.105.004.462	8.482.455.721



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nguồn nước tự nhiên với mức 4.000 VND/m³.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất với mức 10.500 VND/m²/năm trên diện tích đất thuê là 28.271 m² tại Khu tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên Tỉnh An Giang.

Công ty được miễn nộp tiền thuê đất trong thời hạn 06 năm kể từ khi ký hợp đồng thuê đất theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 93/CN.UB ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang. Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang ngày 26 tháng 5 năm 2005.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Phải trả người lao động.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người lao động	4.799.919.578	10.434.960.912
Cộng	4.799.919.578	10.434.960.912

Lương tháng 6 còn phải trả cho nhân viên.

23. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí tiền điện thoại	-	14.109.270
Chi phí hoa hồng	588.306.769	1.999.291.088
Chi phí lãi vay ngắn hạn	926.121.228	428.367.135
Chi phí lưu kho	131.064.540	220.769.276
Chi phí cước tàu và phí chứng từ	5.307.992.115	3.702.636.320
Chi phí vi sinh	122.886.524	100.876.000
Chi phí khác	74.024.260	81.551.849
Cộng	7.150.395.436	6.547.600.938

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	497.944.176	528.847.968
Kinh phí công đoàn	521.982.882	253.885.750
Phải trả khác	167.388.716	10.104.037
Cộng	1.187.315.774	792.837.755

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	5.089.835.927	-	(354.210.000)	4.735.625.927
Quỹ phúc lợi	2.445.386.451	-	(555.635.537)	1.889.750.914
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	6.089.128.118	-	-	6.089.128.118
Cộng	13.624.350.496	-	(909.845.537)	12.714.504.959

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

26. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang (*)	6.466.080.146	6.466.080.146
Cộng	6.466.080.146	6.466.080.146

(*) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất 18,5%/năm, để bổ sung vốn trung dài hạn xây dựng phân xưởng 2 nhà máy chế biến thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	12.835.032.288	12.835.032.288
Trên 1 năm đến 5 năm	6.466.080.146	6.466.080.146
Trên 5 năm	-	-
Tổng nợ	19.301.112.434	19.301.112.434

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Số đầu năm	6.466.080.146
Số tiền vay phát sinh	-
Số tiền vay đã trả	-
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-
Số cuối kỳ	6.466.080.146

27. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số đầu năm	434.098.515
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(404.952.711)
Số cuối kỳ	29.145.804

28. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	306.485.763
Số trích lập bổ sung	-
Số đã chi	(14.886.550)
Số cuối kỳ	291.599.213

29. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Chi trả cổ tức đợt 2 năm trước (20% mệnh giá)	36.799.350.000
Cộng	36.799.350.000

S.Đ.K.L

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.399.675	18.399.675
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.399.675	18.399.675
- Cổ phiếu phổ thông	18.399.675	18.399.675
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.399.675	18.399.675
- Cổ phiếu phổ thông	18.399.675	18.399.675
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	535.801.261.743	626.051.137.155
- Doanh thu bán thành phẩm	466.595.894.823	549.932.999.417
- Doanh thu bán phụ phẩm	69.074.150.520	76.080.217.808
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	131.216.400	37.919.930
Khoản giảm trừ doanh thu:	(910.048.096)	(1.109.241.226)
- Hàng bán trả lại	-	-
- Giảm giá hàng bán	(910.048.096)	(1.109.241.226)
Doanh thu thuần	534.891.213.647	624.941.895.929
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	465.685.846.727	548.823.758.191
- Doanh thu thuần bán phụ phẩm	69.074.150.520	76.080.217.808
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	131.216.400	37.919.930

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán
Cộng

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	464.463.156.613	492.454.535.682
Cộng	464.463.156.613	492.454.535.682

Giá vốn hàng bán trong kỳ là thành phẩm cung cấp, chi tiết như sau:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
Chi phí nhân công trực tiếp
Chi phí sản xuất chung
Tổng chi phí sản xuất
Chênh lệch chi phí sản xuất dở dang
Tổng giá thành sản xuất
Chênh lệch thành phẩm tồn kho
Giá vốn thành phẩm mua ngoài
Chênh lệch hàng gửi đi bán
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	425.604.623.564	441.757.208.452
Chi phí nhân công trực tiếp	26.916.116.813	28.386.347.400
Chi phí sản xuất chung	<u>28.253.944.555</u>	<u>24.734.246.912</u>
Tổng chi phí sản xuất	480.774.684.932	494.877.802.764
Chênh lệch chi phí sản xuất dở dang	(6.733.311.946)	(5.675.884.508)
Tổng giá thành sản xuất	474.041.372.986	489.201.918.256
Chênh lệch thành phẩm tồn kho	(11.615.569.959)	1.695.741.275
Giá vốn thành phẩm mua ngoài	-	7.366.032.000
Chênh lệch hàng gửi đi bán	2.037.353.586	(5.809.155.849)
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	464.463.156.613	492.454.535.682

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi không kỳ hạn
Lãi tiền gửi có kỳ hạn
Lãi cho vay
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
Cộng

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	114.051.823	209.081.685
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	183.758.536	152.250.555
Lãi cho vay	1.294.876.578	307.670.123
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.966.341.944	31.707.956.855
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	291.458.040	3.427.752.818
Cộng	5.850.486.921	35.804.712.036

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
Cộng

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	16.869.728.280	30.354.236.694
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.395.974	1.022.466.999
Cộng	16.905.124.254	31.376.703.693

5. Chi phí bán hàng

Chi phí vi sinh
Chi phí dịch vụ mua ngoài
Cộng

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vi sinh	1.284.563.579	1.473.738.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.146.909.857	32.184.093.593
Cộng	29.431.473.436	33.657.832.076

102
CÔ
RÁCH N
KIỂM
TL

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.709.858.642	10.686.303.281
Chi phí vật liệu quản lý	5.369.182	13.226.240
Chi phí công cụ văn phòng	233.724.475	203.536.587
Chi phí khấu hao tài sản cố định	433.661.254	413.658.264
Thuế, phí và lệ phí	26.372.400	98.998.530
Chi phí dự phòng (*)	(768.535.950)	5.902.660.547
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.924.478.251	4.160.230.574
Chi phí khác	757.084.943	955.343.447
Cộng	12.322.013.197	22.433.957.470

(*) Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi.

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Nhập kho hàng khuyến mãi	3.707.262	6.928.364
Cộng	3.707.262	6.928.364

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi hỗ trợ	-	115.391.496
Chi mua quà biếu	128.300.000	103.081.306
Chi nộp phạt	-	162.311.587
Chi phí không chứng từ	-	162.695.154
Chi phí khác	267.847.823	348.926.185
Cộng	396.147.823	892.405.728

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(60.279.450)	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(404.952.711)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(465.232.161)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	15.587.720.206	71.455.645.959
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.587.720.206	71.455.645.959
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	18.399.675	11.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	847	6.496

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.399.675	11.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.399.675	11.000.000

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yêu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu
Chi phí nhân công
Chi phí khấu hao tài sản cố định
Chi phí dịch vụ mua ngoài
Chi phí khác
Cộng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
428.916.354.725	444.471.010.511	
38.862.332.821	42.972.336.474	
8.108.086.586	8.141.508.568	
63.023.032.830	52.241.548.790	
884.240.706	3.143.187.967	
539.794.047.668	550.969.592.310	



VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Các cá nhân có liên quan		
Phải trả tiền mua đất và tài sản trên đất	-	16.124.699.000
Đã trả tiền mua đất và tài sản trên đất	-	(27.006.379.700)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các cá nhân có liên quan	400.000.000	400.000.000
Công nợ phải trả	400.000.000	400.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	733.104.600	1.173.161.900
Phụ cấp	248.400.000	248.816.000
Tiền thưởng	-	-
Cộng	981.504.600	1.421.977.900

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Hoạt động sản xuất, chế biến thủy sản.
- Hoạt động khác bao gồm: thương mại, dịch vụ.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty trong kỳ như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	534.759.997.247	131.216.400	534.891.213.647
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	534.759.997.247	131.216.400	534.891.213.647
Chi phí bộ phận	(464.463.156.613)	-	(464.463.156.613)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	70.296.840.634	131.216.400	70.428.057.034
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(41.753.486.633)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			28.674.570.401
Doanh thu hoạt động tài chính			5.850.486.921
Chi phí tài chính			(16.905.124.254)
Thu nhập khác			3.707.262
Chi phí khác			(396.147.823)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Cộng
			(2.105.004.462)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			465.232.161
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			15.587.720.206
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>3.875.551.688</u>		<u>3.875.551.688</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>9.337.048.851</u>		<u>9.337.048.851</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>			
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	624.903.975.999	37.919.930	624.941.895.929
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>624.903.975.999</u>	<u>37.919.930</u>	<u>624.941.895.929</u>
Chi phí bộ phận	(492.454.535.682)	-	(492.454.535.682)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>132.449.440.317</u>	<u>37.919.930</u>	<u>132.487.360.247</u>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(56.091.789.546)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			76.395.570.701
Doanh thu hoạt động tài chính			35.804.712.036
Chi phí tài chính			(31.376.703.693)
Thu nhập khác			6.928.364
Chi phí khác			(892.405.728)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(8.482.455.721)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			71.455.645.959
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>14.774.527.182</u>		<u>14.774.527.182</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>8.642.316.773</u>		<u>8.642.316.773</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>			

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố ở trong nước và nước ngoài.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trong nước	28.218.353.745	9.271.614.472
Nước ngoài	506.672.859.902	615.670.281.457
Cộng	534.891.213.647	624.941.895.929

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Số cuối kỳ	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	726.076.102.521	-	726.076.102.521
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	3.600.000.000
Tổng tài sản			729.676.102.521
 Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	452.792.810.906	-	452.792.810.906
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
Tổng nợ phải trả			452.792.810.906
 Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	772.620.772.103	-	772.620.772.103
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	31.447.261.392
Tổng tài sản			804.068.033.495
 Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	505.973.112.086	-	505.973.112.086
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
Tổng nợ phải trả			505.973.112.086

4. Thuê hoạt động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	296.845.500	296.845.500
Trên 1 năm đến 5 năm	1.187.382.000	1.187.382.000
Trên 5 năm	12.180.216.125	12.180.216.125
Cộng	13.664.443.625	13.664.443.625

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong 50 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.065.313.670	31.508.039.371	13.065.313.670	31.508.039.371
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.600.000.000	3.600.000.000	3.600.000.000	3.600.000.000
Phải thu khách hàng	219.641.155.324	280.555.417.642	219.641.155.324	280.555.417.642
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	2.091.150.378	2.123.503.017	2.091.150.378	2.123.503.017
Cộng	238.397.619.372	317.786.960.030	238.397.619.372	317.786.960.030
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	73.648.816.992	60.262.560.024	73.648.816.992	60.262.560.024
Vay và nợ	347.642.807.563	409.718.972.091	347.642.807.563	409.718.972.091
Các khoản phải trả khác	11.950.315.014	17.299.151.650	11.950.315.014	17.299.151.650
Cộng	433.241.939.569	487.280.683.765	433.241.939.569	487.280.683.765

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.9 và V.10). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối kỳ		
Tài sản cố định hữu hình	96.938.308.201	
Tài sản cố định vô hình	14.005.864.681	
Cộng	110.944.172.882	
Số đầu năm		
Tài sản cố định hữu hình	102.235.199.196	
Tài sản cố định vô hình	-	
Cộng	102.235.199.196	

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và vào ngày 01 tháng 01 năm 2012.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

8. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	73.648.816.992	-	-	73.648.816.992
Vay và nợ	341.176.727.417	6.466.080.146	-	347.642.807.563
Các khoản phải trả khác	11.658.715.801	291.599.213	-	11.950.315.014
Cộng	426.484.260.210	6.757.679.359	-	433.241.939.569
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	60.262.560.024	-	-	60.262.560.024
Vay và nợ	403.252.891.945	6.466.080.146	-	409.718.972.091
Các khoản phải trả khác	16.992.665.887	306.485.763	-	17.299.151.650
Cộng	480.508.117.856	6.772.565.909	-	487.280.683.765

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Rủi ro đối với việc trả nợ chủ yếu tập trung vào khoản nợ vay ngắn hạn ngân hàng. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường đối với Công ty bao gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay	+ 2% - 2%	(1.286.403.615) 1.286.403.615
Năm trước	+ 2% - 2%	(7.366.563.777) 7.366.563.777

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty là 3.600.000.000 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 là 3.600.000.000 VND). Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm/tăng khoảng 270.000.000 VND (năm trước là 270.000.000 VND).

An Giang, ngày 14 tháng 07 năm 2012

Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng

Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỨU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

		Lợi nhuận sau thuế		Lợi nhuận chưa phân phối		Công	
		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	vốn cổ phần	19.920.224.200	4.403.279.903	11.008.199.758	84.482.978.440	229.814.682.301	229.814.682.301
Số dư đầu năm trước	110.000.000.000	-	-	-	113.382.117.106	113.382.117.106	113.382.117.106
Lợi nhuận tăng năm trước	-	-	-	-	(67.093.470.097)	-	-
Tăng vốn từ lợi nhuận	67.093.470.097	-	(4.403.279.903)	-	-	-	-
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	4.403.279.903	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn từ quỹ khen thưởng	2.500.000.000	-	-	-	-	2.500.000.000	(38.500.000.000)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(38.500.000.000)	(38.500.000.000)	(38.500.000.000)
Trích các quỹ trong năm trước	-	-	2.275.469.500	5.688.673.749	(17.066.021.247)	(9.101.877.998)	(9.101.877.998)
Số dư cuối năm trước	183.996.750.000	19.920.224.200	2.275.469.500	16.696.873.507	75.205.604.202	298.094.921.409	298.094.921.409
Số dư đầu năm nay	183.996.750.000	19.920.224.200	2.275.469.500	16.696.873.507	75.205.604.202	298.094.921.409	298.094.921.409
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	15.587.720.206	15.587.720.206	15.587.720.206
Tăng vốn từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(36.799.350.000)	(36.799.350.000)	(36.799.350.000)
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	183.996.750.000	19.920.224.200	2.275.469.500	16.696.873.507	53.993.974.408	276.883.291.615	276.883.291.615

An Giang, ngày 14 tháng 7 năm 2012



Trần Thị Văn Loan
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỨU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BẢO CAO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐQ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phiếu lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

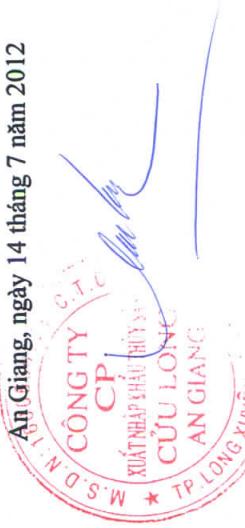
	Sản xuất	Các lĩnh vực khác	Công
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	534.891.213.647	-	534.891.213.647
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	534.891.213.647	-	534.891.213.647
Chi phí bộ phận	(464.463.156.613)	-	(464.463.156.613)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	70.428.057.034	-	70.428.057.034
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	0	-	(41.753.486.633)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	28.674.570.401
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	5.850.486.921
Chi phí tài chính	-	-	(16.905.124.254)
Thu nhập khác	-	-	3.707.262
Chi phí khác	-	-	(396.147.823)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	(2.105.004.462)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	465.232.161
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.587.720.206	-	15.587.720.206
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<i>19.066.824.666</i>	<i>-</i>	<i>19.066.824.666</i>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>9.337.048.851</i>	<i>-</i>	<i>9.337.048.851</i>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

047448-C
NG TY
HIỆM HỮU HÀ
TOÁN VÀ
TIN VĂN
HỒ CHÍ MINH

Năm trước
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi phí bộ phận	624.903.975.999	37.919.930	624.941.895.929
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	-	-
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	624.903.975.999	37.919.930	624.941.895.929
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(492.454.535.682)	37.919.930	(492.454.535.682)
Doanh thu hoạt động tài chính	132.449.440.317	-	132.487.360.247
Chi phí tài chính	-	-	(56.091.789.546)
Thu nhập khác	-	-	76.395.570.701
Chi phí khác	-	-	35.804.712.036
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	(31.376.703.693)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	6.928.364
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	(892.405.728)
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	71.455.645.959	8.642.316.773	8.642.316.773
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	14.774.527.182	14.774.527.182	14.774.527.182
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	8.642.316.773	8.642.316.773	8.642.316.773
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	-	-	-

An Giang, ngày 14 tháng 7 năm 2012



Trần Thị Văn Loan
Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng